

TÍNH CÁCH NGƯỜI NAM BỘ - DẤU ẤN ĐẶC SẮC TRONG DU KÍ NAM BỘ NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

VÕ THỊ THANH TÙNG*

TÓM TẮT

Nằm trong dòng chảy chung của du kí Việt Nam, du kí Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX đã có những đóng góp nhất định vào quá trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc trong giai đoạn này. Du kí Nam Bộ nói riêng, du kí Việt Nam nói chung có chức năng gắn kết những con người ở nhiều vùng miền khác nhau, mở ra cho họ một chân trời tri thức mới hết sức phong phú và bổ ích. Khắc họa tính cách con người Nam Bộ là một trong những nội dung đặc sắc của du kí Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX.

Từ khóa: du kí, du kí Nam Bộ, tính cách người Nam Bộ.

ABSTRACT

Characteristics of people in the Southern region – A special stamp in the Southern travel story during the first half of the twentieth century

Southern travel story in the first half of the twentieth century, in the general flow of Vietnam travel story, has had certain contribution to the modernization process of the national literature in this period. Southern travel story in particular or Vietnam travel story in general has a function of connecting people in different regions and opening up a new knowledge horizon which is very rich and helpful for them. Sketching out the characteristics of people living in the Southern region is one of the special contents of the travel story during the first half of the twentieth century.

Keywords: travel story, Southern travel story, character of the South.

1. Ngày 15 tháng 4 năm 1865, khi tờ *Gia Định báo* xuất bản số đầu tiên thì văn xuôi quốc ngữ ở Nam Bộ nói riêng và văn xuôi cả nước nói chung có đủ điều kiện để phát triển mạnh mẽ. Đến cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, văn xuôi quốc ngữ, trong đó có thể loại du kí viết về Nam Bộ, đã đạt được những thành tựu đáng kể với những tên tuổi như Biên Ngũ Nhy, Tô Văn, Phạm Quỳnh, Đông Hồ, Mộng Tuyết, Phú Tuấn Năng, Biệt Lam Trần Huy Bá... Du kí Nam Bộ được xem là một pho tư liệu quý về văn hóa Nam Bộ

xưa, ghi chép một cách trung thực hình ảnh cuộc sống, cảnh vật và con người Nam Bộ ở một giai đoạn lịch sử đầy biến động.

Đọc du kí Nam Bộ, ta có cảm giác như đang xem một cuốn phim tư liệu quý nhưng đã bị lãng quên từ lâu. Giờ đây, thử mở ra xem, rất đỗi ngạc nhiên và thích thú khi từng cảnh phim về con người, địa lí, lịch sử, phong tục, tập quán... của cả một vùng đất Nam Bộ rộng lớn, phiêu nhiêu được dàn dựng một cách công phu, tỉ mỉ hiện lên thật sống động. Mỗi tác phẩm là một bức tranh đầy màu sắc, thể hiện sự lạc quan của những tâm hồn luôn thiết tha với cuộc sống, ần

* ThS, Trường Đại học Thủ Dầu Một

chứa niềm khát khao về hòa bình, no đủ. Trên hết là tinh thần trách nhiệm cùng ý chí muốn giữ gìn cho thế hệ sau những tinh hoa văn hóa của nước nhà.

Đặc biệt, các tác giả *Du kí Nam Bộ* đã dành nhiều trang để viết về tính cách của người Nam Bộ. Đó là những con người chân chất, hào hiệp, trọng lễ phải... Họ đã đi vào *Du kí Nam Bộ* nửa đầu thế kỉ XX một cách tự nhiên và để lại dấu ấn thật sâu đậm.

2. John White, sau chuyến viếng thăm Sài Gòn, trở về Luân Đôn, viết trong quyển hồi kí *A voyage to Cochinchina* năm 1824 như sau: “Chúng tôi rất thỏa mãn với tất cả những gì chúng tôi nhìn thấy, mang theo cảm tưởng tốt đẹp nhất về phong tục và **tánh tình** của dân chúng. Những sự **ân cần, lòng tốt và sự hiếu khách** mà chúng tôi thấy đã vượt quá cả những gì mà chúng tôi đã quan sát đến nay tại các quốc gia châu Á. Khiến chúng tôi không thể tưởng tượng một dân tộc như vậy lại có thể khác được”¹.

Nam Bộ là vùng đất quy tụ, giao lưu và hội nhập. Những con người “tứ phương tạp xứ” (Trịnh Hoài Đức) nhưng giống nhau về cảnh ngộ đã tụ hội về đây. Muốn tồn tại và phát triển, lưu dân phải hội nhập. Hội nhập thành một cộng đồng xã hội ổn định, bền vững là nhu cầu tất yếu để đối phó với thiên nhiên mới lạ nhưng không kém phần nguy hiểm. Buổi đầu lập nghiệp trên vùng đất hoang sơ, những khó khăn thiếu thốn cứ bủa vây. Để có được những cánh đồng lúa vàng “cò bay thẳng cánh”, “chó chạy cong đuôi”, họ phải đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt và thậm chí cả tính mạng.

Trong quá trình lao động, mối quan hệ giữa người với người được tạo lập. Từ bốn phương tụ hội về đây, nơi xứ lạ quê người, họ càng **thiết tha gắn bó với nhau, nương tựa vào nhau** tạo nên **tình người ấm áp**. Trong *Du Kí Nam Bộ*, không ít lần người đọc bắt gặp cái cảnh: “*Cầu Cầu nhờ lộc thuyền, vợ xé gai chằm lưới, chồng đánh cá đôi tiên. Phần nhiều còn nơi phong tục nước nhà, còn để tóc, bịt khăn đen, mặc áo dài. Tánh tình thuần hậu, biết yêu thương nhau, ai cũng phải khen. Ăn trộm tới rình một nhà, thì cả xóm áp lại vì không ngõ chạy. Lửa mới phát cháy một khóm, thì cả xóm đều áp tới tiếp cứu, trong nháy mắt là xong việc. Cả mấy trăm năm nay, xóm Cầu Cầu có bị dông gió sập nhà, mà không khi nào bị trộm đạo hay hỏa hoạn*” (*Cảnh vật Hà Tiên* - Đông Hồ, Nguyễn Văn Kiêm) [7, tr.530].

Mặt khác, do đất đai nơi đây trù phú nên cuộc mưu sinh cũng không mấy khó khăn. Lúa gạo, tôm cá, chim muông... lúc nào cũng dư thừa nên lưu dân luôn cảm thấy ung dung, thoải mái. Chính cuộc sống vật chất dễ dàng như vậy đã dần hình thành nên tính cách **rộng rãi, hiếu khách, vồn vã, nhiệt thành và đôi đũa tử tế** với tất cả mọi người, kể cả những người không quen biết. Sách *Gia Định thành thông chí* cũng đã từng viết: “Ở Gia Định, khi khách đến nhà, đầu tiên gia chủ bày trà cau, sau dọn tiếp com bánh, thết đãi chu đáo đầy đủ, không kể là người thân sơ, quen lạ, tông tích ở đâu, tất cả đều được đón nhận tiếp đãi đàng hoàng cho nên người đi chơi không cần đem theo lương thực, nhưng lại khiến có

nhiều người trốn tránh pháp luật hay đến xứ này, bởi đã có chỗ ăn ở vậy” [5, tr.184]. Hiện tượng này phản ánh thực tế rằng con người cần phải dựa dẫm vào nhau để tồn tại. Dần dần nó trở thành nét tính cách đặc trưng của người Nam Bộ. Tác giả du kí *Tôi ăn Tết ở Côn Lôn* đã không giấu diếm niềm tự hào về cách đối đãi của người Nam Bộ: “*Trưa đến một bữa tiệc linh đình, đông đúc, hạp đủ mặt các bạn lạ và quen đang từng sự tại Côn Lôn. Ở đây người ta mới thấy rõ tình thân mật của kẻ xa nhà. Ở đây người ta mới hiểu cái nghĩa tương ái, tương tri giữa người một nước. Thật, cái xã hội thu nhỏ của chúng tôi đáng yêu đáng quý là thế nào!*” (*Tôi ăn Tết ở Côn Lôn* - Khuông Việt) [4, tr.984]. Bất kể từ đâu đến, nhưng khi đã sinh sống trên mảnh đất này rồi thì phần lớn họ đều mang trong mình những phẩm chất cao đẹp ấy: “*Ông bà đều có tuổi mà vui tính lắm, tiếp đãi thành thực tự nhiên nên anh em mấy ngày cũng được sinh hoạt tự do như người trong nhà, không phải ngại ngần e lệ như người khách nữa*” (*Thăm đảo Phú Quốc* - Đông Hồ) [8, tr.269]. Khắp mảnh đất Nam Bộ, đâu đâu ta cũng bắt gặp những con người “*phong nhã mà lịch thiệp*”, “*Tánh (...) vui vẻ đãi sĩ chiêu hiền*” (*Nhàn du kí sự* - Phú Tuấn Năng). Ngay cả những vị tụy quyền cao chức trọng nhưng trong cách hành xử của họ vẫn thấy cái “*khiêm nhường dễ dãi*” (*Viếng Tây Đô* - Thiệu Sơn) khiến cho người khách du Phạm Quỳnh từng đi đây đi đó rất nhiều, cũng phải khâm phục “*cái vẻ đậm đà thân mật, không có những lối kiêu cách như ngoài ta*” (*Một tháng ở*

Nam Kỳ - Phạm Quỳnh) [8, tr.164] của các ông quan trong Nam. Không ít lần Phạm Quỳnh cảm thấy áy náy vì sự tiếp đãi hết sức nhiệt tình: “*được các cụ có bụng yêu mà tiếp đãi tử tế quá, không biết lấy lời gì mà tỏ lòng cảm tạ cho xứng. Trông thấy những bậc trưởng giả tuổi cao đức lớn, lấy lễ quốc sĩ mà đãi một kẻ thư sinh bất tài, lắm lúc tự nghĩ lấy làm hổ thẹn vô cùng*” (*Một tháng ở Nam Kỳ* - Phạm Quỳnh) [8, tr.208]. Cũng có không ít người được tắm gội trong môi trường “mưa Âu gió Mỹ” như “*Lê Văn Trứ, một bạn tân học ở Pháp về, nhưng tính tình ngôn ngữ đầy một vẻ hồn nhiên chơn chất, dường như cái bản sắc của anh do đất nước tạo ra vẫn trở lại chịu cái ảnh hưởng sâu xa của đất nước*” (*Viếng Tây Đô* - Thiệu Sơn) [3, tr.763] đã để lại “*một ấn tượng êm đẹp*” về con người của vùng đất này.

Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức từng viết về người Nam Bộ như sau: “*Gia Định ở về địa vị Dương Minh, nhiều người trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dầu phụ nữ cũng thế*” [5, tr.180]. Cùng rời bỏ quê cha đất tổ, đến sinh sống nơi miền đất lạ, lưu dân rất cần sự tương trợ lẫn nhau. Chính vì vậy quan hệ máu mủ, tông tộc, bạn bè, hàng xóm láng giềng càng trở nên thân thiết, khăng khít hơn bao giờ hết. Mặt khác, sống trong một xã hội tự phát, hầu như không có pháp luật, muốn tồn tại như những con người thực sự, họ phải thường xuyên nói về đạo nghĩa. Nếu không, con người sẽ rất dễ sa vào đời sống bản năng, thú tính. Giáo lí Nho, Phật, Lão mà hạt nhân là nhân nghĩa, từ bi, bác ái đã ăn sâu

vào tiềm thức, trở thành lẽ sống tự nhiên của mỗi người bình dân. Tất cả các tiền đề ấy là cơ sở để hình thành nên những phẩm chất cao quý trong tính cách của người Nam Bộ. Đó là **tâm hồn hào sảng, tình huynh đệ nghĩa hiệp, trọng nghĩa khinh tài** là nổi trội hơn cả và dần trở thành đạo lí, thành “luật lệ riêng” (Trần Văn Nam) trong cách ứng xử của người lưu dân nơi miền đất mới: “*Chỉ như người trước – phú, sẵn của tiền chất đồng mà ích kỉ tổn nhân, kiến nghĩa bất vi, lâm nguy bất cứu, miễn cho no đủ một mình, ai có kêu gọi đến làm việc nghĩa chỉ cho đời thì co đầu rút cổ, tai điếc mắt ngơ, để bạc tiền cho mục thì chịu chớ không dám xuất ra mà làm điều chi ích lợi cho hơn quần xã hội đặng nhờ, cứ một điều “độc thiện kì thân”, giới giữ cho mấy rồi chùng nhắm mắt cũng hai tay không, của tiền tán ư thiên hạ. Như vậy thì sống cũng không ai cầu mà thác không ai tiếc! Hiền huynh nghĩ thử có phải vậy chăng? Bởi vì ngu đệ biết hiền huynh cho lời em là hữu lí thì rất may mắn cho chốn quê hương, mà rồi hiền huynh danh đã có mà đức kia cũng có, thì là còn chi mới quý hơn nữa!”* (**Nhàn du kí sự** - Phú Tuấn Năng) [1].

Với người Nam Bộ, sự khinh trọng đối với một cá nhân hoàn toàn không căn cứ vào dòng dõi, đẳng cấp, địa vị hay tiền bạc mà chủ yếu dựa vào phẩm giá, tài năng hay hành động và việc làm của cá nhân ấy đối với cộng đồng mà thôi. Lối sống ấy khuyến khích con người cá nhân không ngừng nỗ lực lao động, sáng tạo để đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng. Thế mới thấy, trong quan

niệm của người bình dân Nam Bộ, **đạo nghĩa** hay **điệu nghệ** chính là lối sống **tích cực, sống có nghĩa khí, sống có trách nhiệm** với con người và xã hội. Đặc biệt đối với những người gánh trên vai trọng trách chăm lo cho đời sống của nhân dân, phẩm chất ấy càng cần phải được đặt lên hàng đầu: “*Quan Phủ đây thì thật là xứng cái tiếng ông quan cần, người bạn tốt, và là một tay nhiệt thành muốn khai hóa cho dân trí nước nhà, mở mang những lợi nguyên trong nước. Ngài cũng là một người giàu cái bụng nghĩa vụ, hạng người đó nước ta hiện còn hiếm lắm. Có giàu cái bụng nghĩa vụ mới biết trọng việc công ích hơn việc tư lợi, biết ra công khởi xướng những công cuộc không ích lợi riêng cho mình mà ích lợi chung cho cả quốc dân xã hội. Một nước như nước ta trăm mối còn phải chinh đốn cả, nghìn việc còn phải sắp đặt hết, dân trí chưa khai thông, thế nước còn kém cõi, người hèn của hiếm, tài mọn được sơ, rất cần phải có những người biết vị nghĩa vụ như vậy”* (**Một tháng ở Nam Kỳ** - Phạm Quỳnh) [8, tr.225].

Đạo nghĩa trở thành một trong những phẩm giá nhân văn cao quý nhất của người Việt Nam Bộ: “*Trong khi đi “hỏi viên đá cũ, gõ bức thành xưa”, ông cốt tìm một bài học để cung hiến đồng bào. Bài học ấy là cái lòng rộng rãi, hào hiệp của người Đồng Nai buổi trước, thấy nghĩa thì dám làm, ra ơn không cần báo. Ông cử ra hai gương xưa như ông Phan Văn Nghêu ở Tân An, tục gọi là ông Hóng đã đem hết gia tài sự sản giúp chúa Nguyễn Ánh phục quốc mà không màng quan tước. Bên cạnh vị hào hiệp ấy*

còn có cụ bố Thông, một bạn chí thân của cụ Phan Thanh Giản. Cụ Thông tới đâu là mở mang cho có một châu vi, tạo ra một sáng kiến, làm cho “khi ở thì dân mến phục, khi đi thì dân nguyện lưu”. Rồi giáo sư Phạm Thiều kết luận: “Hào khí Đồng Nai lan khắp bình dân và trí thức, nó tiềm tàng dưới đáy lòng, chỉ chờ dịp thuận tiện mà biểu lộ” (**Một ngày đáng nhớ** - Thiều Sơn) [3, tr.839-840]. Và hệ quả tất yếu của “lối sống ấy đã tạo nên những anh hùng, quân tử bình dân sống với tinh thần: bần tiện chi giao mạc khả vong, lâm nguy bất cứu mạc anh hùng, nhơn phi nghĩa bất giao (với mọi người), vật bạc tình bất thủ (với của cải). Quan niệm điệu nghệ cho người ta luôn luôn mở rộng cửa đón tiếp mọi người không phân biệt tốt xấu, giàu nghèo trong quá khứ. Nếu biết điệu nghệ thì mọi việc có thể giải quyết trong tình anh em không cần đến pháp luật và quan lại: Đáng trọng phu dưng thù mới đáng. Đáng anh hùng dưng oán mới hay” [6, tr.200-201]. Chính lối sống “tình sâu nghĩa nặng”, “trọn tình vẹn nghĩa” ấy đã góp phần đẩy lùi lối sống ích kỉ, phản trắc, vong ơn bội nghĩa, “qua cầu rút ván”... ra khỏi xã hội.

Nam Bộ là vùng đất mới, lưu dân đến Nam Bộ hầu hết là những “tiểu nhân”, thuộc tầng lớp dưới cùng của xã hội, bất mãn với triều đình, chế độ, do đó những gì mà họ mang theo không phải là đại diện cho những giá trị vốn có từ lâu đời mang tính chất quan phương của các vùng “đất cũ”. Họ chỉ mang theo những giá trị vốn gắn bó lâu đời với người bình dân như yêu nước, đoàn kết, dũng cảm, nhân ái, tình làng nghĩa xóm... trong đó

có niềm tin bất diệt “còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”, vốn là tài sản quý giá nhất trong hành trang tiến về phương Nam. Niềm tin, sự lạc quan là liều thuốc an thần giúp họ quên đi những bất công đang hiện hữu như một định mệnh mà họ phải gánh chịu. Những giá trị ấy ít chịu sự ràng buộc của khuôn khổ đạo lý truyền thống nhưng vẫn rất sâu sắc, vững bền. Trong điều kiện mới, do sự tiếp xúc với môi trường tự nhiên và xã hội đặc trưng Nam Bộ, những giá trị này được tiếp nối, bồi dưỡng tạo nên những giá trị mới mang sắc thái Nam Bộ. Một mặt, người Việt Nam Bộ vẫn còn lưu giữ đúng cái hồn quê, cái cốt cách của người Việt xưa, mặt khác lại được bổ sung thêm những nét tính cách mới.

Đặc biệt, đạo lý truyền thống “thương người như thể thương thân” khi vào phương Nam được hun đúc, bồi đắp bởi thiên nhiên và hoàn cảnh sống khác biệt nên càng thêm bao la vô tận. Mỗi thân phận nơi đây tồn tại trong mối quan hệ khăng khít với cộng đồng như là cách để đối phó với bao bất trắc, hiểm nguy trong hoàn cảnh phân li của đất nước: “Nước trong xanh sao nước chảy hoài/ Thương người xa xứ lạc loài đến đây”.

Lòng nhân ái dần trở thành lẽ sống, do đó trong mỗi hành động, dù là nhỏ nhất, ta đều thấy có sự chi phối của triết lý tình thương: “Đối với một thiếu sinh, bỏ một buổi Chùa nhật đã là nhiều; bỏ ra hai cắc để mua giấy ô cửa để nghe diễn thuyết lại càng nhiều hơn, đến quỳ thêm năm xu để mong giúp đỡ kẻ đang đau khổ, thì tấm lòng ấy chẳng đáng cho ta ca ngợi hay sao? Có cần gì tiền muôn

bạc vạn mới có thể có một tấm lòng vàng” (*Một ngày đáng nhớ* - Thiếu Sơn) [3, tr.841].

Biết sống vì người khác, biết hi sinh lợi ích riêng để bồi đắp cho lợi ích chung của cộng đồng. Đó là điều kiện sinh tồn, là cách để tích đức về sau, đúng với tinh thần giáo lí của đạo Phật mà người Việt Nam Bộ rất tin theo: “*Bởi vì ngu độn biết tánh hiền huynh khoan hồng ân hậu, chí khí trượng phu, khinh tài trọng nghĩa nên ngu độn mới dám cạm lời; làm sao mà dui dặt và giúp đỡ mọi người cho dễ bề sinh lược, dĩ kì sở hữu, dịch kì sở vô, cho ra trang “thanh phú”, để tấm tiếng cho đời, lánh giềng gọi đức. Ấy là một việc đáng làm, mà nhắm lại hiền huynh đủ tài đủ sức, để mà thi thố để ơn, hiền huynh nên gắng lấy”* (*Nhàn du kí sự* - Phú Tuấn Năng) [1]. Đó chính là lí tưởng sống của những đấng anh hùng mã thượng. Họ mang cái phong thái hiệp nghĩa của những anh hùng hảo hán chọc trời khuấy nước ra ơn không cần báo đáp. Danh vọng, tiền tài không mua chuộc được họ, chỉ có tình thương, trách nhiệm, tinh thần trọng nghĩa khinh tài mới là điều đáng trân trọng. Chính nhờ lối sống trọng nghĩa, biết đùm bọc yêu thương nhau như vậy nên Nam Bộ từ vùng đất hoang vu “*đầu đuôi chừng mười cái nhà hieu quạnh*”, giờ đây đã trở thành miền đất hứa, nơi “*đất lành chim đậu*”, nơi hội tụ và phát triển: “*ngày nay có anh về ở, giùm giúp cho kẻ khó người nghèo, có thì thể sanh nhai, khỏi lo cơ cấn, nên họ mến tình anh mà ngày nay họ về ở lần lần hơn bốn chục nóc gia, mà trong xóm này thì người nào cũng là nhờ anh giúp đỡ mới*

nên cửa nên nhà; đã vậy anh còn mượn một thầy giáo về đây, dạy dạy những sấp hài nhi trong xóm này ăn học bởi thế ngày nay họ kêu xóm này là xóm “Trương gia”, vì nếu anh chẳng về đây và giúp đỡ cho người, thì xóm này là một đám rừng hieu quạnh, vài cái nhà thưa thớt, mà bề sanh nhai rất là khổ cực gay go...” (*Nhàn du kí sự* - Phú Tuấn Năng) [1].

Nếu như ở miền Bắc và miền Trung nền giáo dục Khổng Mạnh đã ăn sâu vào tận gốc rễ, thì ở miền Nam nền giáo dục ấy ít để lại sự ảnh hưởng. Thêm vào đó, đây còn là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi với đất đai phì nhiêu, sản vật trù phú: “*Ai ơi về miệt Tháp Mười/ Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn*”, nên vấn đề sinh nhai không quá khắc nghiệt như ở miền Bắc và miền Trung. Nam Bộ còn là vùng đất rộng mở, sẵn sàng dang tay chào đón lưu dân từ khắp nơi về đây sinh cơ lập nghiệp: “*Ai về Gia Định thì về/ Nước trong gạo trắng dễ bề làm ăn*”. Sau những khó khăn ban đầu, dần dần lưu dân đã khai phá những vùng đất hoang vu thành những cánh đồng mênh mông bát ngát, những khu vườn trái ngọt cây tươi. Cuộc sống trở nên thông thả, không phải lo nghĩ nhiều đến vấn đề cơm áo gạo tiền, do đó tình cảm con người cũng trở nên **phong phú**, tâm hồn cũng trở nên **cởi mở**. Là nơi hội tụ nên người dân Nam Bộ luôn có sự hỗn dung văn hóa. Để có thể cùng nhau chung sống hòa bình, lưu dân phải biết tôn trọng bản sắc văn hóa riêng của mỗi tộc người. Biết chấp nhận những nét dị biệt, thậm chí còn dung hòa, ảnh hưởng lẫn nhau để tạo nên sự đa dạng.

Những đặc điểm trên đã góp phần hun đúc nên tính **giản dị, rộng rãi, dễ tha thứ, không câu nệ, không định kiến**. Tính cách ấy được thể hiện một cách nhất quán từ người bình dân cho tới các vị quan to. Hình ảnh của họ hiện lên trong du kí thật bình dị và gần gũi: “Ngài thật là người tốt bạn và mến khách, nhất là bạn tri thức, khách văn chương thì lại càng quý lắm. Ông cũng là người đôn hậu, chân thực và giản dị lắm, giao tiếp tự nhiên như thường, không có chút kiêu sức gì” (*Một tháng ở Nam Kỳ* - Phạm Quỳnh) [8, tr.219]; “Ngài lấy sự bình đẳng tự do, tình thân ái đôn hậu mà xử với các bằng bối, tất ai ai cũng bắt chước mà xử lẫn nhau theo một cách như vậy” (*Một tháng ở Nam Kỳ* - Phạm Quỳnh) [8, tr.224]; “Cách giao tiếp của Phủ Đài cũng đậm đà mà giản dị, có cái vẻ xuân phong hòa hỉ vậy. Trong mấy ngày lui tới chuyện trò, thật là vui vẻ vô cùng. (...) Phủ đài là một nhà quan lại, mà không có cái thiên kiến của bọn quan lại. Phàm nghị luận phán đoán rất là chánh trực công bằng, hợp với lẽ phải và thiết với sự tình” (*Một tháng ở Nam Kỳ* - Phạm Quỳnh) [8, tr.226].

Tâm hồn phóng khoáng, không có chấp bảo thủ của người Nam Bộ đã để lại ấn tượng sâu sắc cho nhiều du khách khi đến tham quan du ngoạn vùng đất này. Người khách du Phạm Quỳnh cũng rất đỗi ngạc nhiên trước lối ứng xử ấy và không tiếc lời khen ngợi: “Có một điều nên phục là cái tình thân ái trong bọn các ông làm việc Nhà nước ở tỉnh này. Các ông xử với nhau thật như anh em một nhà, không có sự hiềm kị gián cách

gì cả. Trên tự quan Phủ, quan Huyện, dưới đến các ông phán kí, ngoài lúc việc công, trong khi giao tiếp với nhau thật là nhất luật bình đẳng cả, không có phân biệt kẻ trên người dưới gì. Nghị luận rất tự do, nói năng rất công trực, không có cái lối kiêu tình phiến như ngoài mình. Ngồi một bàn tiệc, đã là người quen biết nhau thì tiện thị là anh em đồng đẳng cả, không nề kẻ cao người thấp, kẻ trẻ người già” (*Một tháng ở Nam Kỳ* - Phạm Quỳnh) [8, tr.223]. Có thể thấy người Nam Bộ không hề câu nệ các nghi thức xã giao hay các quy tắc ứng xử. Vì coi nhau như anh em “tứ hải giai huynh đệ” nên họ đối đãi với nhau rất chân thành. Vì trọng chữ tình, trọng lẽ phải nên người Nam Bộ rất bình đẳng trong mọi sinh hoạt của đời sống.

Để làm rõ hơn tính cách của người Nam Bộ, Phạm Quỳnh cũng mạnh dạn đề cho một người “có Nho học và đã từng đi du lịch buôn bán ngoài Bắc Kỳ, Trung Kỳ nhiều, kiến văn rất rộng, nghị luận rất hay” so sánh tính cách của người Bắc Bộ với người Nam Bộ, qua đó thấy rõ hơn sự khác biệt: “Người Bắc có khôn khéo hơn chúng tôi thật, nhưng có cái tính duy kỉ, người nào chỉ biết phận người nấy mà thôi, đối với người ngoài hay biến báo, không được thật thà như người trong này. Tôi đi lại buôn bán với các ông nhiều, tôi đã từng nhận biết. Nhà này thiếu thức hàng này, biết rằng nhà láng giềng có, nhưng không hề mách bảo cho người mua biết bao giờ. Chúng tôi thì không thế: chúng tôi nhẹ dạ và thật thà hơn các ông. Nhà tôi có vườn bầu vườn bí, nhà láng giềng thiếu cứ việc sang cắt

mà ăn; khi khác tôi có cần đến trái gì trong vườn họ tôi cũng cứ việc sang mà bứt lấy, tự nhiên như vậy, không ai quan tâm gì về sự đó. Cái bụng “của anh của tôi” nó không có cách biệt nhau lắm như ngoài các ông. Chúng tôi được cái tính đó hơn người Bắc”. Là người miền Bắc nhưng khi nghe những nhận xét như vậy, Phạm Quỳnh cũng phải công nhận: “Có lẽ người Bắc cũng có cái lòng duy kỷ mạnh hơn người Nam thật: đã khôn khéo thì hay biến báo, đã biến báo thì biết suy hơn suy thiệt, đã suy hơn suy thiệt lắm thì chỉ biết vị lợi mình mà cái bụng “của anh của tôi” tất thịnh hành; bấy nhiêu cái đặc tính nó liên tiếp nhau mà làm nhân quả cho nhau vậy” (*Một tháng ở Nam Kỳ* - Phạm Quỳnh) [8, tr.246-247]. Cũng cần nói thêm, so sánh để thấy được chỗ hay, chỗ dở trong tính cách mà thay đổi để tiến bộ hơn chứ không nhằm hạ thấp người vùng nào. Và càng đi ra ngoài nhiều bao nhiêu, người ta càng có cơ hội nhận thức lại mình bấy nhiêu. Thay đổi để tốt hơn là nguyện vọng thiết tha của những người có lòng tự trọng, có ý thức vươn lên để tự hoàn thiện mình.

Cũng do môi trường sông nước mênh mông, ruộng vườn bát ngát đã tạo cho người Nam Bộ tánh tình **bộc trực, khảng khái, yêu ghét rất rõ ràng**, đã tròn thì ra tròn mà vuông ra vuông, không thích thái độ “hàng hai”, “ba phải”. Thái độ ấy cùng với lối sống phóng khoáng, tự do, không chịu gò mình vào trong khuôn khổ, tất yếu sinh ra lối sống **ngang tàng, ít chịu luân củi** “Trời sinh cây cứng lá dai/ Gió lay mặc

gió, chiều ai không chiều”. Và tất nhiên sẽ không bao giờ biết khuất phục trước bạo lực hay tiền tài danh vọng “*Lòng qua như sắt, nói chắc một lời/ Bạc tiền chẳng trọng, chỉ trọng người tình chung*”. Giàu lòng vị tha, sẵn sàng tha thứ cho những ai trót lầm lỗi nhưng biết ăn năn hối cải, ngược lại nhất quyết không dung tha cho những kẻ thủ đoạn, gian ác, điều ngoa, bạc tình bạc nghĩa. Thẳng thắn trung thực, “ăn ngay, nói thẳng”, sống có trước có sau nên “ghét cay ghét đắng ghét vào tận tâm” (Nguyễn Đình Chiểu) những kẻ xu nịnh, “tham phú phụ bần”, ăn ở hai lòng. Tất cả đã thấm sâu vào tiềm thức và trở thành thước đo giá trị của mỗi người dân Nam Bộ.

3. Văn học chính là hiện thân sống động nhất của văn hóa, vừa là bộ phận không thể thiếu của văn hóa vừa là động lực mạnh mẽ thúc đẩy văn hóa phát triển. Do đó, sứ mệnh lớn lao của nhà văn là lưu giữ những tinh hoa văn hóa của dân tộc thông qua tác phẩm của mình. Du kí Nam Bộ là mảng văn học không chỉ có giá trị đặc sắc về mặt nghệ thuật mà còn là tấm gương nhiều màu sắc phản chiếu rõ nét nhất cuộc sống và con người Nam Bộ ở một giai đoạn lịch sử đầy biến động. Du kí Nam Bộ đem đến cho người đọc một chỗ dựa tinh thần vững chắc, đó là cội nguồn dân tộc. Vượt qua những định kiến hẹp hòi về quan điểm chính trị hay đạo đức, du kí Nam Bộ bằng sự gắn kết tự nhiên với quê cha đất mẹ thiêng liêng đã góp phần khơi dậy niềm tin, tình yêu quê hương đất nước cho thế hệ hôm nay và mai sau.

¹ Dẫn theo Lâm Văn Bé, *Người Nam Kỳ*, trang web: <http://www.hobieuchanh.com>. Từ đây, những chữ in đậm trong các trích dẫn là của chúng tôi (VTTT).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Công Luận báo*, (408), ngày 31-5-1921.
2. *Công Luận báo*, (409), ngày 3-6-1921.
3. Trịnh Bá Đĩnh (chủ biên) (2007), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX, Tạp văn và các thể kí Việt Nam 1900 – 1945*, quyển ba, tập III, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Trịnh Bá Đĩnh (chủ biên) (2007), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX, Tạp văn và các thể kí Việt Nam 1900 – 1945*, quyển ba, tập IV, Nxb Văn học, Hà Nội.
5. Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí* (tái bản lần thứ nhất), Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
6. Trần Văn Nam (2010), *Biểu trưng trong ca dao Nam Bộ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Nguyễn Hữu Sơn (tuyển chọn, giới thiệu) (2007), “Du kí Việt Nam”, *Tạp chí Nam Phong 1917 - 1934*, tập I, Nxb Trẻ, TPHCM.
8. Nguyễn Hữu Sơn (tuyển chọn, giới thiệu) (2007), “Du kí Việt Nam”, *Tạp chí Nam Phong 1917 - 1934*, tập II, Nxb Trẻ, TPHCM.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-11-2012; ngày phản biện đánh giá: 20-01-2012;
ngày chấp nhận đăng: 12-3-2013)